

QUY ĐỊNH

những nội dung Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy thảo luận, quyết định hoặc cho ý kiến thuộc lĩnh vực kinh tế, xã hội

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 10-QĐi/TW ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Căn cứ Quy định số 42-QĐ/TW ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh ủy, thành ủy;
- Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 18/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 và tình hình thực tế,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định những nội dung Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy thảo luận, quyết định hoặc cho ý kiến thuộc lĩnh vực kinh tế, xã hội như sau:

I- CÁC NỘI DUNG BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY THẢO LUẬN, QUYẾT ĐỊNH HOẶC CHO Ý KIẾN

1. Các nội dung trình Tỉnh ủy theo quy định tại khoản 4 Điều 3, Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 18/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.
2. Nội dung về định hướng, chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực, địa bàn trọng yếu; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo Luật Quy hoạch, quy hoạch chung có quy mô là toàn bộ đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.
3. Nội dung các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh (bao gồm cả việc ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ) trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền quyết định.
4. Chủ trương thực hiện các cuộc vận động lớn có huy động đóng góp của nhân dân.
5. Chủ trương xử lý những vấn đề phức tạp, nhạy cảm về kinh tế - xã hội có liên quan đến ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương.
6. Phương án sắp xếp, giải thể, sáp nhập, thành lập mới hoặc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý.

7. Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh.

8. Về chủ trương đầu tư và thu hút đầu tư:

- Chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B do tỉnh quản lý hoặc dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng đối tác công tư (PPP) nhóm A, nhóm B do tỉnh quản lý.

- Danh mục dự án khuyến khích đầu tư xã hội hóa.

- Chủ trương đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao cấp tỉnh; chủ trương xây dựng các công trình văn hóa, tượng đài, di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, cấp tỉnh.

- Chủ trương về vay vốn để đầu tư phát triển từ **200 tỷ đồng** trở lên.

- Chấp thuận đầu tư các dự án sản xuất, kinh doanh (bao gồm cả dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài) có một trong các tiêu chí sau:

+ Sử dụng đất nằm ngoài các khu, cụm công nghiệp ở trong khu vực đô thị có diện tích từ **02 (hai) ha** trở lên và ở ngoài khu vực đô thị có diện tích từ **20 (hai mươi) ha** trở lên.

+ Vốn đầu tư từ **500 tỷ đồng** và tương đương trở lên.

+ Có nhu cầu sử dụng đất mà vị trí liên quan đến quốc phòng, an ninh hoặc mục tiêu của dự án có liên quan đến quốc phòng, an ninh; sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

- Chủ trương đầu tư đối với các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở có quy mô sử dụng đất từ **20 (hai mươi) ha** trở lên.

- Chủ trương lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (thành lập, mở rộng) các khu công nghiệp trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm định, chấp thuận; chủ trương thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

- Chủ trương chấp thuận đầu tư các dự án khai thác khoáng sản than, kim loại.

9. Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng sang các mục đích khác.

10. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định trước khi xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

11. Các báo cáo:

- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh hằng tháng (gửi văn bản).

- Báo cáo tình hình thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh hằng quý.

- Báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư (ngoài ngân sách) đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến (trừ các dự án đã hoàn thành toàn bộ và đi vào hoạt động), định kỳ 6 tháng, hằng năm.

Ngoài việc gửi các báo cáo theo quy định, trường hợp cần thiết Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo trực tiếp tại các phiên họp hằng tháng hoặc họp bất thường để Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến.

12. Các nội dung khác mà Thường trực Tỉnh ủy thấy cần báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

13. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về chủ trương sử dụng các nguồn hỗ trợ của Trung ương và các tổ chức trong, ngoài nước; nguồn vượt thu dự toán ngân sách, nguồn tăng thu ngân sách.

II- CÁC NỘI DUNG THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY THẢO LUẬN, QUYẾT ĐỊNH HOẶC CHO Ý KIẾN

1. Thường trực Tỉnh ủy thảo luận hoặc cho ý kiến đối với các nội dung trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận, quyết định hoặc cho ý kiến theo Quy định này.

2. Nội dung, chương trình các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; định hướng, chủ trương xử lý vấn đề phát sinh mới, nhạy cảm, phức tạp trong chương trình các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh; định hướng công tác giám sát, khảo sát của Thường trực và các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề cấp ủy tập trung quan tâm.

3. Chủ trương xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh. Việc ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ một số quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh có tác động lớn đến đời sống nhân dân và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước hằng năm; xét tặng giải thưởng chất lượng Quốc gia.

5. Việc điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất; quy định hệ số điều chỉnh giá đất hằng năm.

6. Về quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch xây dựng:

- Lập mới hoặc điều chỉnh (trừ điều chỉnh cục bộ) quy hoạch chung xây dựng đô thị thị trấn và quy hoạch chung xây dựng các khu chức năng.

- Lập mới hoặc điều chỉnh (trừ điều chỉnh cục bộ) quy hoạch phân khu các khu đô thị, khu chức năng.

- Lập mới hoặc điều chỉnh (trừ điều chỉnh cục bộ) quy hoạch chi tiết: Khu đô thị, khu chức năng trong quy hoạch chung đô thị có quy mô **5ha** trở lên; khu nhà ở cao tầng tập trung có quy mô từ **5ha** trở lên; khu chức năng, khu dân cư nông thôn nằm ngoài quy hoạch chung đô thị có quy mô **10ha** trở lên.

7. Về đầu tư và thu hút đầu tư:

- Chương trình xúc tiến đầu tư 5 năm, hằng năm.
- Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.
- Chủ trương đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa lớn trụ sở làm việc của cấp ủy, chính quyền cấp huyện; các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.
- Chủ trương đầu tư các trung tâm thương mại; khu, điểm du lịch.
- Danh mục các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở cần thu hút đầu tư.
- Chủ trương đầu tư các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở có quy mô sử dụng đất **dưới 20 (hai mươi) ha**.
- Chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm C do tỉnh quản lý hoặc dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng đối tác công tư (PPP) nhóm C do tỉnh quản lý.
- Chủ trương về kế hoạch bảo trì các công trình đường bộ do tỉnh quản lý hằng năm.
- Chủ trương chấp thuận đầu tư dự án sản xuất, kinh doanh (kể cả dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài) có một trong các tiêu chí sau:
 - + Dự án sản xuất nông nghiệp ở trong khu vực đô thị có diện tích từ **5.000 (năm nghìn) m²** đến **dưới 2 (hai) ha** và ở ngoài khu vực đô thị có diện tích từ **5 (năm) ha** đến **dưới 20 (hai mươi) ha**;
 - + Dự án sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp sử dụng đất nằm ngoài các khu, cụm công nghiệp ở trong khu vực đô thị có diện tích từ **1.000 (một nghìn) m²** đến **dưới 02 (hai) ha** và ở ngoài khu vực đô thị có diện tích từ **01 (một) ha** đến **dưới 20 (hai mươi) ha**.
 - + Vốn đầu tư từ **200 tỷ đồng** đến **dưới 500 tỷ đồng** và tương đương.
- Chủ trương chấp thuận dự án liên quan đến đầu tư xây dựng mới các công trình thuộc lĩnh vực tôn giáo.
- Điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sản xuất, kinh doanh đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến mà việc điều chỉnh làm thay đổi mục đích sử dụng đất.
- Danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (bao gồm cả khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường) và việc chấp thuận đầu tư các dự án khai thác khoáng sản không qua đấu giá.

- Chủ trương cấp giấy phép, gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản than, kim loại; điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án khai thác khoáng sản than, kim loại; việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản các dự án khai thác than, kim loại.

- Quyết định danh mục các dự án lớn, quan trọng, nhạy cảm thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo.

8. Việc quản lý tài chính, ngân sách:

- Chủ trương vay vốn để đầu tư phát triển **dưới 200 tỷ đồng**.

- Việc sử dụng dự phòng và nguồn tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh.

- Phương án giao, điều chỉnh kế hoạch chi tiết nguồn vốn ngân sách Trung ương, việc sử dụng các khoản chi từ nguồn bổ sung vốn đầu tư của Trung ương (trừ trường hợp Trung ương đã giao, phân bổ chi tiết đến từng dự án, nhiệm vụ chi cụ thể).

- Việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, vốn đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm, bao gồm cả chuyên nguồn; điều chỉnh vốn giữa các dự án đầu tư xây dựng cơ bản (trừ việc điều chỉnh nội bộ vốn giữa các dự án thành phần thuộc chương trình); điều chỉnh danh mục dự án đầu tư.

- Việc điều chỉnh, bổ sung từ ngân sách tỉnh cho các ngành, địa phương (trừ việc điều chỉnh nội bộ nguồn vốn đã giao). Các chương trình, dự án được bổ sung từ các nguồn ngân sách nhà nước.

- Chủ trương chi hỗ trợ có mục tiêu cho đơn vị, địa phương trong tỉnh, chi hỗ trợ cho tỉnh bạn, các tổ chức trong nước, nước ngoài từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách tỉnh.

- Chủ trương quyên góp, ủng hộ các loại quỹ trên phạm vi toàn tỉnh.

9. Chủ trương tổ chức các sự kiện lớn của tỉnh; các cuộc mít tinh kỷ niệm lớn của các ngành, các huyện, thành phố; tổ chức bắn pháo hoa.

10. Chủ trương mua sắm, bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; chủ trương mua xe ô tô trước khi xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

11. Cho chủ trương đối với những nội dung đề xuất với Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương bổ sung, thẩm định các dự án cấp bách, cần thiết của tỉnh từ nguồn vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương.

12. Các báo cáo:

- Các báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm trên địa bàn tỉnh về:

+ Công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư.

+ Tình hình phát triển kinh tế tập thể.

+ Tình hình vay, trả nợ của tỉnh.

- + Tình hình thu, quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội.
- + Tình hình tổ chức, hoạt động của các loại hình tổ chức quỹ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách.
- + Tình hình hoạt động của các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh.
- + Công tác cải cách hành chính.
- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản, hướng xử lý hằng năm.
- Báo cáo công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch hằng năm.
- Báo cáo khó khăn, vướng mắc phát sinh tại các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh hằng tháng (trừ tháng thực hiện báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy).
- Quyết định phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở; Quyết định phê duyệt giá đất, tính tiền sử dụng đất các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở.
- Nội dung báo cáo liên quan đến lĩnh vực kinh tế, xã hội khi phát sinh trên địa bàn tỉnh: Kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, các bộ, ngành Trung ương; báo cáo giám sát của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; kết luận thanh tra của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh; kết quả giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

Ngoài việc gửi các báo cáo theo quy định, trường hợp cần thiết Thường trực Tỉnh ủy yêu cầu Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo trực tiếp tại phiên giao ban Thường trực Tỉnh ủy hằng tuần hoặc đột xuất để cho ý kiến.

13. Các nội dung mà Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành và các huyện, thành phố, các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy thấy cần thiết báo cáo, xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội.

III- QUY TRÌNH BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY, THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY THẢO LUẬN, QUYẾT ĐỊNH HOẶC CHO Ý KIẾN

1. Các cơ quan, đơn vị lập tờ trình phải nêu rõ: Quá trình thực hiện; các căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn; đề xuất rõ quan điểm đối với nội dung trình, kèm theo các tài liệu có liên quan gửi Thường trực Tỉnh ủy (*qua Văn phòng Tỉnh ủy*) chậm nhất **16 giờ 30 phút ngày thứ Sáu** hằng tuần.

Với nội dung xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy gửi **05 bộ tài liệu** (riêng nội dung xin chủ trương đầu tư dự án, cùng với tờ trình chỉ gửi kèm **01 bộ hồ sơ** dự án). Với nội dung xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện theo chỉ đạo sau khi Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến.

Các nội dung trình, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy phải do các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy ký, trình theo quy định (riêng các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Quản lý các KCN tỉnh do Ban Quản lý các KCN trình xin ý kiến sau khi Ban cán sự đảng UBND tỉnh đăng ký nội dung báo cáo Thường trực Tỉnh ủy).

2. Căn cứ nội dung do các cơ quan, đơn vị gửi đến, Văn phòng Tỉnh ủy báo cáo Thường trực Tỉnh ủy để đưa vào chương trình hội nghị giao ban Thường trực Tỉnh ủy hằng tuần hoặc tổ chức xin ý kiến trực tiếp bằng văn bản. Thường trực Tỉnh ủy quyết định hình thức xin ý kiến đối với nội dung thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Tùy tính chất, mức độ, quy mô, tầm quan trọng của từng nội dung, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy sẽ ban hành văn bản phù hợp, gửi cơ quan trực tiếp tham mưu, đề xuất và các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các văn bản thông báo kết luận, ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Việc gửi các báo cáo định kỳ thực hiện theo Quy định số 97-QĐ/TU ngày 04/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chế độ báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy. Trình tự, hồ sơ, thủ tục đối với các nội dung trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy thực hiện theo Quy định số 712-QĐ/TU ngày 03/9/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn chủ động rà soát, đề xuất nội dung thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị phải báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy theo Quy định này.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy phân công trách nhiệm cụ thể đối với các cơ quan chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy. Riêng nội dung báo cáo xin ý kiến về chủ trương chấp thuận đầu tư dự án, nếu thấy cần thiết, giao Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan liên quan đi thực tế để thẩm định trước khi báo cáo xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy định này; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

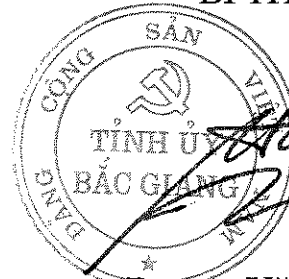
Quy định này thay thế Quy định số 86-QĐ/TU ngày 19/01/2021, Kết luận số 125-KL/TU ngày 27/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và có hiệu lực *kể từ ngày 01/01/2023*.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần bổ sung, điều chỉnh, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Văn phòng Tỉnh ủy*) để xem xét, quyết định. *✍*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương, (báo cáo)
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Đương Văn Thái